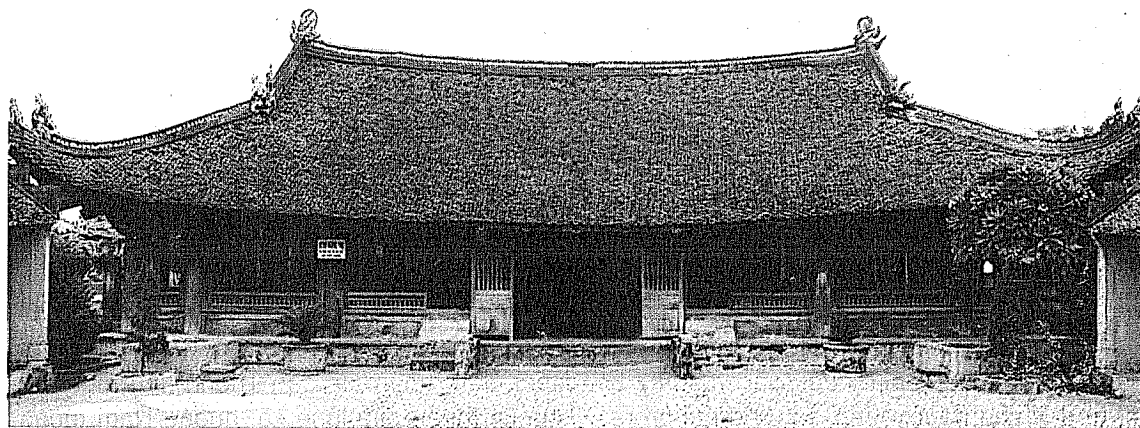


# ĐÌNH MÔNG PHỤ

KT&S. ANH DŨNG\* - QUANG CHẤN\*\*



Đại bái đình Mông Phụ - Ảnh: Ban Quản lý di tích Hà Tây

**T**rên dòng trôi chảy của văn hóa Đường Lâm, đình Mông Phụ nổi lên như một trong những ngọn đèn dẫn dắt người dân quê này vượt qua những thác ghềnh của lịch sử để vững bước tới bờ của tương lai. Ở nơi ấy, chúng ta đã gặp dòng văn hóa vật thể và phi vật thể hòa quyện với nhau một cách

nhuần nhuyễn mà hun đúc nên một tinh thần thiện tâm, một ý chí quật cường của cả vùng đất danh tiếng này.

Làng Đường Lâm nằm trên đất thềm nền của núi Ba Vi, đây là một miền đất cổ, một địa đầu để người Việt khởi động trong cuộc trường chinh tiến xuống vùng đồng bằng/châu thổ thấp, khai mở ra nước Việt với những nền văn minh của thời trung cổ. Vượt qua các di tích

\* , \*\* CỤC DI SẢN VĂN HÓA

khác của Đường Lâm, với đền Phùng Hưng và Ngô Quyền, thì đình Mông Phụ và chùa Mía có thể coi là hai điểm sáng văn hóa rực rỡ của miền quê nông nghiệp này.

Trước hết, chúng tôi muốn đề cập đến vị thần được thờ và một số vấn đề liên quan đến ngôi đình Mông Phụ. Đình Mông Phụ thờ Tản Viên Sơn Thánh làm một vị thành hoàng làng, đã cho chúng ta biết, mảnh đất này nằm trong vùng của một vị anh hùng văn hóa khởi nguyên sản phẩm của nền kinh tế nông nghiệp lúa nước. Vào thời tiền sử, như nhiều nhà khoa học đã cho biết, người Việt còn sống ở thượng lưu sông Hồng, sinh sống bằng phương thức săn bắt/bắn và hái lượm, trong điều kiện ấy bà mẹ thể gian quản lý miền rừng núi được nảy sinh. Xuôi theo dòng sông Hồng, cũng đồng nhất với sự phát triển của lịch sử, khi nông nghiệp được khẳng định thì bà mẹ xứ sở cũng nảy sinh, đó là bà Âu Cơ. Cùng với bà Âu Cơ thì một số vị thần linh nông nghiệp khác ở dạng sơ khởi cũng ra đời. Trong tư duy mêng mông của thời cổ đại, người Việt đã hình thành nhận thức: Có trời thì có đất, có ngày tất có đêm, có nam phải có nữ..., suy cho cùng, phải có âm có dương. Âm dương đối đãi là nền tảng cho sự nảy sinh và phát triển của muôn loài, muôn vật. Từ kinh nghiệm của sản xuất nông nghiệp, người xưa cũng đúc rút rằng, mưa là tinh dịch của trời cha tràn xuống lòng đất mẹ để cho muôn loài sinh sôi. Nhưng, không phải lúc nào trời cũng mưa thuận gió hòa để đem nguồn sinh lực tươi nhuận muôn cõi. Cũng như nhiều cư dân khác trên thế giới, người Việt khi tiến xuống những vùng đất thấp, nhìn lại phía sau, họ đã thấy đỉnh núi thường có mây phủ (gắn với trời), chân núi ở dưới (gắn với đất), từ đó, tư duy của người tiền - sơ sử đã nhận ra: Núi là cái gạch nối giữa trời và đất, một con đường thông linh nhằm chuyển tải nguồn sinh lực vô biên từ tầng trên xuống tầng dưới. Nhận thức của họ đã được phát triển hơn khi hội vào hòn Cô Sơn. Và, người Việt đã sớm tìm được núi Tản Viên, để vị thần núi này mang tư cách một đấng "vô cùng", mà tín ngưỡng dân gian xếp Thánh vào loại đứng đầu bách thần, để gọi là đức Thánh Cả. Có thể nghĩ, Thánh Tản là một anh hùng văn hóa ra đời vào thời tiền - sơ sử, rồi trên dòng trôi chảy của sự phát triển lịch sử mà Ngài được đắp thêm da thêm thịt để

mang nhiều chức năng mới, như dạy dân cày cấy, đánh cá, làm nghề..., đặc biệt Ngài được coi như là một chứng tích lịch sử để nói lên sự sáng tạo thần kỳ của dân tộc ta trong việc đắp đê chống lụt, bảo vệ mùa màng sản xuất, rồi được huyền thoại hóa bằng câu chuyện đấu tranh giữa Sơn Tinh và Thủy Tinh. Hiện tượng đó được chứng minh rõ ràng bởi một số truyền thuyết, mà theo cổ GS. Từ Chi và cổ GS. Trần Quốc Vượng, thì ở vùng cao phía trên - nơi sông Hồng chưa có đê, Sơn Tinh và Thủy Tinh là hai người bạn thân (non nước hữu tình), khi xuống vùng thấp, xuất hiện đê là xuất hiện cuộc chiến đấu dai dẳng trường kỳ này. Vai trò của Sơn Tinh đồng nhất với nguồn hạnh phúc viên mãn của dân tộc, nên vị thần núi này đã theo bước chân của người Việt mà tràn lan khắp mọi vùng của đất nước. Chúng ta có thể tạm nghĩ rằng, núi Ba Vì là hòn núi chủ của toàn quốc trong tư duy nông nghiệp của dân ta.

Người Đường Lâm thờ thần Tản Viên ở đình Mông Phụ như là một lễ đương nhiên trong bước đường phát triển, bởi Thần/Thánh là đại diện của chân lý, của cả đạo và đức, một chỗ dựa tinh thần, một trung tâm hội tụ đoàn kết cộng đồng để bảo vệ và xây dựng xóm làng. Trong tinh thần ấy, đình Mông Phụ đã được đứng ở một vị trí đẹp nhất làng, trên một mảnh đất cao ráo, sáng sủa, xưa kia là nơi tụ hội của cây cối, chim muông. Thuở đầu, đất đai còn rộng rãi, dân cư còn thưa thớt, mặt trước đình còn thoáng đãng nên cảnh quan thật phong quang, đẹp đẽ.

Hiện nay, đình quay hướng Tây Nam, với hướng Nam mang đúng tư cách "Thánh nhân Nam diện" nhằm đề cao Thánh như một ông vua tinh thần của làng xã, hướng Nam tượng bằng màu đỏ là hướng chứa đầy sinh lực, mát mẻ và cũng là hướng của thiện tâm trên nền tảng trí tuệ. Đồng thời, đó cũng là "Lấy vợ hiền hòa, làm nhà hướng Nam". Hướng Tây mang yếu tố âm, mặt thần (mặt đình) là dương, nên giữa kiến trúc - thần và không gian đã tạo thành một thể âm dương đối đãi, khiến thần luôn yên vị. Đó là ước vọng thường trực trong nhận thức dân gian của người Việt trước đây. Như vậy, nhìn về hướng Tây Nam đã mang tính tổng hòa mọi ý nghĩa như nêu trên, khiến đình Mông Phụ được coi như nằm ở giữa-trung tâm

của miền đất thánh thiện.

Hiện nay, mở đầu cho đình là một nghi môn tứ trụ có niên đại vào thế kỷ XX. Có thể nghĩ rằng, đây là những trục thông linh, mà hai trụ giữa lớn hơn, với trên đỉnh là đôi lân trong thế ngồi nhìn xuống, mang ý nghĩa kiểm soát tâm hồn kẻ hành hương. Ở những nghi môn tứ trụ xưa hơn thì đỉnh cột này thường là bốn con phượng theo kiểu lá lật, vì phượng tượng trưng cho bầu trời, với đầu đội công lý và đức hạnh, mắt là mặt trời - mặt trăng, lưng công bầu trời, cánh là gió, lông là cây cỏ, chân là đất..., nó còn tượng trưng cho Thánh nhân. Trong tư cách này, phượng như hội tụ sinh lực của bốn phương trời truyền qua cột mà tràn về trần gian; còn lân tượng cho trí tuệ, cho sự trong sáng của tầng trên (ở các cột của nghi môn Mông Phụ đã đặt phượng ở trụ nhỏ và lân ở trụ lớn). Bước qua nghi môn là một sân rộng, hai bên có tả hữu vu. Mỗi tòa xây theo kiểu năm gian tường hồi bit đốc với bốn hàng chân cột, vì nóc theo kiểu chông rường, cốn kèo ngối, xà nách nổi cùng xà lòng. Nhìn chung, kiến trúc này là sản phẩm của thế kỷ XX, chạm khắc dưới dạng bào trơn đóng bén. Đáng quan tâm ở đây là, phía bên hữu đã đặt ban thờ các vị tổ của dòng họ thuộc các giáp - một hiện tượng ít gặp ở nhiều ngôi đình khác (hiện tượng trên cũng đã thấy được thể hiện ở hai đầu hồi của đại đình Ngãi Cầu (Hoài Đức)), ban thờ kể trên được đặt lửng ở hồi trong của tòa nhà. Ở tòa tả vu cũng là nơi thờ những thần linh dân gian liên quan

Đáng quan tâm nhất là kiến trúc của tòa đại đình. Hiện nay, kiến trúc này được dựng theo kiểu chữ Công. Bằng vào khảo sát thực địa, qua nghệ thuật chúng ta có thể thấy rằng, trước đây đình được dựng theo kiểu chữ Nhị mà tòa trong có phần sớm hơn tòa ngoài, với phong cách nghệ thuật khoảng đầu thế kỷ XVIII, còn tòa ngoài có thể muộn hơn vài chục năm. Niên đại ghi trên câu đầu cho biết, đình được sửa chữa lại vào năm Tự Đức thứ 12 (1859), sau đó, còn được tu sửa nhiều lần nữa, mà một niên đại tập trung là vào đời Thành Thái (cuối thế kỷ XIX).

Trở lại với kiến trúc tòa đại đình, được dựng theo kiểu ba gian hai chái, sáu hàng chân cột đặt trên một nền đất thấp. Hiện nay, đình vẫn có sàn, được bung ván gỗ. Từ trên xuống, mái

đình to, bè, không thể hiện lưỡng long châu nguyệt, bờ nóc hơi cong, được kết thúc bởi hai đầu kim dưới dạng lân công trên lưng một vân xoắn lớn. Hình thức này còn kế thừa gần gũi từ lân đuôi cá đội vân xoắn với phong cách nghệ thuật cuối thế kỷ XVI, đầu thế kỷ XVII ở đền Và. Qua đó, có thể thấy, đây là hai con vật như tượng cho âm dương của bầu trời đang công biểu tượng của sấm chớp. Tại khúc nguynh từng bên là một đôi Náp/Xô với hình thức của lân, với niên đại khá muộn, trong tư thế nhìn xuống sân như để kiểm soát tâm hồn kẻ hành hương. Ở đầu guột là một hồi long được đắp đơn giản trong thế chạy vào. Rồi đầu đao là một con lân trong thế chạy lên, đỉnh đao chỉ là một đầu rồng quay châu vào nội đình. Nhìn chung, những con giống trên bộ mái đều mang tư cách là linh vật của tầng trên, gắn với nguồn sinh lực vũ trụ như sấm chớp và trí tuệ, khiến cho bộ mái, thân đình và dưới đất là một hợp thể của Tam tài (Thiên - Địa - Nhân) để mỗi khi làm lễ thông linh cũng đồng nhất với hiện tượng thông Tam giới.

Kết cấu bộ khung gỗ trong lòng nhà, gồm bộ vì nóc theo kiểu giá chiêng ở trên liền chông rường ở bên dưới. Trên cùng là một rường con cung tỳ lực trên hai đầu cột trốn và gông lưng đội thượng lương, hai đầu đội đôi hoành thứ nhất. Từ thân trên của cột trốn một con rường cụt ăn mộng vào cột rồi chạy ra đỡ đôi hoành thứ hai. Ở thân dưới cột, là con rường khác đỡ đôi hoành thứ ba, rường này ăn mộng xuyên qua cột trốn, mà không bị cắt ở phần giữa. Tất cả hệ thống trên tỳ xuống con rường dưới thông qua các đầu vuông thót đáy. Rường này vươn hai đầu đỡ hai hoành nóc thứ tư, rồi ép bụng trên câu đầu, câu đầu đỡ đôi hoành thứ năm và tỳ lực trên đầu vuông thót đáy kê trên đầu cột cái. Như vậy, mỗi bên của vì nóc đã có tới năm khoảng hoành. Ở cốn mê (phần nối giữa cột cái và cột quân) cũng đã được thể hiện năm khoảng hoành với xà nách có cùng độ cao với xà lòng để nối với xà nách trong, khiến chúng ta cảm giác ba bộ phận này (xà nách ngoài - xà lòng - xà nách trong) như cùng một thân gỗ. Phía trong của các đầu cột cái, nơi đội bụng câu đầu đều có đầu dư chạm rồng dưới dạng bong kênh và lộng. Từ cột quân ra cột hiên (hoặc tường đỡ mái) là một kẻ liền với phần trên lưng kê đỡ ván dong, tương ứng với



